

Số: 257/2020/QĐST-  
HNGĐ

*Đại Từ, ngày 01 tháng 12 năm 2020*

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 317/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Đình P, sinh năm 1984

ĐKNKTT: xóm D, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993

Trú tại: xóm D, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2020.

### **XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đình P và Chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình P và Chị Nguyễn Thị H.

đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Phạm Thị N sinh ngày 19/8/2012; Phạm Thị Thu T, sinh ngày 04/02/2016 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trước khi Tòa án hòa giải như sau:

Anh P sử dụng thửa đất số 36B, tờ bản đồ số 17, diện tích 250m<sup>2</sup>, trong đó có 250m<sup>2</sup> đất ở nông thôn. Địa chỉ thửa đất tại xóm D, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tài sản trên đất: nhà cấp 4 cùng công trình phụ và cây cối trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 535138 do UBND huyện Đại Từ cấp ngày 15/01/2013 mang tên hộ ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị H.

Anh P có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ bên gia đình bên nội là 372.855.000đ (ba trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng) và trả chị Nguyễn Thị T1 là chị gái chị H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Chị H tự nguyện không sở hữu tài sản chung gì.

Các khoản cho vay: không có

- Về án phí: Anh Phạm Đình P tự nguyện nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chị H nhất trí; hoàn trả anh P 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Chuyển từ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ - BL số 0013531 ngày 08/10/2020.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Hồng Mây**